

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9 - 2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Đinh Thị Tin

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh 1986

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân K, sinh 1978

Địa chỉ: Khu 8, Thị trấn P, huyện K, Hải Dương

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2018 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân K kết hôn với nhau vào ngày 29 tháng 3 năm 2013, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh K không chịu làm ăn, thường xuyên chơi bời, nợ nần bên ngoài nhiều, không quan tâm tới gia đình vợ con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần, song anh K không thay đổi mà vẫn tiếp tục tham gia chơi bời với bạn bè xấu. Vợ chồng xảy ra va chạm, nhiều lần chị N đã phải

bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nhưng vì thương con chị lại tiếp tục về đoàn tụ với anh K. Anh K không hề thay đổi, mà càng chơi bời nợ nần nhiều hơn. Tháng 11/2017 anh K đưa thêm người con riêng của người vợ trước về ở mà chưa có sự đồng ý của chị, anh K cũng không đóng góp thêm tiền để chị nuôi dưỡng các cháu. Tất cả mọi lo toan chị đều phải gánh vác một mình, nên mâu thuẫn ngày một phát sinh trầm trọng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Anh Nguyễn Xuân K thì trình bày rằng: Anh kết hôn cùng chị Đặng Thị N vào ngày 29/3/2013, được đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, do trước đây anh đã có vợ (đã ly hôn), nên phần nào tạo áp lực ảnh hưởng trực tiếp tới quan hệ cuộc sống chung giữa anh và chị N. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị N thường xuyên xảy ra va chạm, 30 ngày là đủ 30 ngày cãi vã, đời sống chung không có hạnh phúc. Nay chị N xin ly hôn, anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn níu kéo được, nên anh cùng nhất trí ly hôn cùng chị N.

Về con chung: Vợ chồng chị N và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng N, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Nguyễn Đăng Minh Khuê, sinh 14/12/2015. Hiện hai cháu đều đang ở với chị N và anh K.

Quan điểm của chị N đề nghị xin được nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K đồng ý song trong trường hợp chị N không đủ điều kiện chăm sóc dạy dỗ hai cháu thì sẽ giao cho anh K được nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Không có, đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/7/2018, chị N và anh K thỏa thuận và được TAND huyện K lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, cụ thể:

-Về quan hệ vợ chồng: Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Xuân K thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đăng N, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Nguyễn Đăng Minh Khuê, sinh 14/12/2015 cho chị N được nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong trường hợp chị N không đủ điều kiện chăm sóc dạy dỗ hai cháu thì sẽ giao cho anh K được nuôi dưỡng các cháu.

-Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

-Về án phí: Chị N tự nguyện nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Ngày 23/7/2018, chị N có đơn đề nghị xin thay đổi biên bản thỏa thuận, chị xác định trong phần nội dung của biên bản ghi nhận *“Trong trường hợp chị N không đủ điều kiện chăm sóc dạy dỗ hai cháu thì sẽ giao cho anh K được nuôi dưỡng các cháu”*. Song ngày 17/7/2018 anh K đã bị Cơ quan (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Nhị Chiều) cho nghỉ việc, điều kiện chăm sóc con chung của anh K không có, chị N là cán bộ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Nhị Chiều có mức thu nhập hơn

10.000.000đ/tháng nên chị N đề nghị được giao cả hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện VKSND huyện K phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng Bị đơn cơ bản chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân K. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đăng N, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Nguyễn Đăng Minh Khuê, sinh 14/12/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Chị N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Đặng Thị N đối với anh Nguyễn Xuân K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quá trình đưa vụ án ra xét xử anh K không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND huyện K áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân K là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N kết hôn với anh Nguyễn Xuân K trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị N đề nghị xin ly hôn anh K và anh K cũng thuận tình ly hôn cùng chị N, chủ yếu là do cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh K luôn bất đồng với nhau về quan điểm sống, tình cảm, kinh tế trách nhiệm với nhau không có dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày một rạn nứt. Tại phiên tòa chị N giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, ngày 16/7/2018 tại biên bản thỏa thuận anh K cũng thuận tình ly hôn cùng chị N, quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh K không có mặt và cũng không có ý kiến đề nghị gì thêm. Những điều đó chứng tỏ tình cảm giữa anh K và chị N thực sự không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Xuân K được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh K có hai con Nguyễn Đăng N, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Nguyễn Đăng Minh Khuê, sinh 14/12/2015. Xét điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng con hiện nay của chị N và anh K, nên cần chấp nhận yêu cầu xin thay đổi của chị N. Giao cả hai cháu Ngân, Khuê cho chị N nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Đôi bên đều xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Xuân K.
2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đặng N, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Nguyễn Đặng Minh Khuê, sinh 14/12/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.
3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị N tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.
4. Về chia tài sản: Không có, đôi bên không yêu cầu giải quyết.
5. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001719 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Chị N đã nộp đủ.
6. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền